

Số: ~~03~~ 2024/NQ-HĐQT

TP.HCM, ngày 06 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31/12/2020;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 ngày 24/12/2022; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 ngày 24/12/2022 và Tờ trình số 08.2023/TTr-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2022 về việc Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 01.2023/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/08/2023; và Tờ trình số 01.2023/TTr-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2023 về việc chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu ngày 06/11/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu (tính theo giá chào bán): **305.293.872.000 đồng**.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:



STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Chi trả Nhà cung cấp, Chi phí hoạt động đầu vào	63% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	192.335.139.360	Từ năm tài chính 2024 (*)
2	Trả lương, phụ cấp	15% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	45.794.080.800	
3	Trả nợ, lãi vay ngân hàng	22% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	67.164.651.840	
Tổng cộng			305.293.872.000	

(*): Năm tài chính 2024 của Công ty bắt đầu từ 1/10/2023 đến 30/09/2024

1. Chi trả Nhà cung cấp, Chi phí hoạt động đầu vào

STT	Chi tiêu	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga	1.000.000.000	Nguyên liệu chính (tôm thẻ, tôm sú,...)
2	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	10.000.000.000	Nguyên liệu chính (Tôm thẻ, tôm sú vò,...)
3	Công ty TNHH Thương Mại Hồng Phú	11.000.000.000	Nguyên liệu chính (bạch tuộc, ..)
4	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh	5.000.000.000	Nguyên liệu chính (tôm thẻ, tôm sú,...)
5	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	48.000.000.000	Thành phẩm (cá tra,..)
6	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điều	55.000.000.000	Thành phẩm (cá tra,..)

STT	Chi tiêu	Giá trị (đồng)	Ghi chú
7	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam	50.000.000.000	Thành phẩm (cá tra,...)
8	Công ty TNHH Vina Foods Kyoiei	2.500.000.000	Bột
9	Công ty TNHH Nitto - Fuji International Việt Nam	3.000.000.000	Bột
10	Công ty Cổ Phần Bao Bì Giấy An Hạ	2.000.000.000	Bao bì (Thùng, Hộp,...)
11	Công ty TNHH Hải Nam - Chi Nhánh TP.Hồ Chí Minh	1.500.000.000	Bao bì (túi,...)
12	Công ty TNHH Tân Ngọc Diệu	1.500.000.000	Bao bì (Khay nhựa,...)
13	Công ty TNHH MTV In ấn Hoàng Vân	1.000.000.000	Bao bì (Hộp, Thẻ,...)
14	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cô Năm	835.139.360	Nguyên liệu phụ (bánh tráng,...)
Tổng số tiền dự kiến chi trả cho nhà cung cấp.		192.335.139.360	

Trong năm tài chính 2024, căn cứ vào hoạt động đầu ra cũng như nhu cầu các đơn hàng, Công ty ước tính lượng nguyên vật liệu đầu vào với giá trị giao dịch trong năm tài chính 2024 (từ 01/10/2023- 30/09/2024) là **1.125 tỷ đồng**. Do đó, HĐQT thông qua kế hoạch chi trả cho Nhà cung cấp của Công ty trong năm tài chính 2024 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nhà cung cấp	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2021 (từ 1/10/2020-30/09/2021)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2022 (từ 1/10/2021-30/09/2022)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2023 (từ 1/10/2022-30/09/2023)	Giá trị giao dịch Dự kiến trong năm tài chính 2024 (từ 1/10/2023-30/09/2024)	Giá trị giao dịch dự kiến sẽ chi trả từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
1.	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga (*)	Nguyên liệu chính (tôm thẻ, tôm sú,...)	7.516.154.311	1.742.771.060	1.016.455.908	5.000.000.000	1.000.000.000
2.	Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM (*)	Nguyên liệu chính (Tôm thẻ, tôm sú vò,...)	19.671.820.200	17.392.827.700	10.596.196.400	20.000.000.000	10.000.000.000
3.	Công ty TNHH Thương Mại Hồng Phú (*)	Nguyên liệu chính (bạch tuộc, ..)	11.657.100.000	26.298.000.000	26.100.000.000	30.000.000.000	11.000.000.000
4.	Công ty TNHH Thương Mại Thủy Sản Đức Anh (*)	Nguyên liệu chính (tôm thẻ, tôm sú,...)	5.207.870.400	6.595.721.600	8.906.207.800	10.000.000.000	5.000.000.000
5.	Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi (*)	Thành phẩm (cá tra,...)	97.865.109.506	105.206.909.481	104.657.659.520	100.000.000.000	48.000.000.000

STT	Nhà cung cấp	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2021 (từ 1/10/2020-30/09/2021)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2022 (từ 1/10/2021-30/09/2022)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2023 (từ 1/10/2022-30/09/2023)	Giá trị giao dịch Dự kiến trong năm tài chính 2024 (từ 1/10/2023-30/09/2024)	Giá trị giao dịch dự kiến sẽ chi trả từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6.	Công ty TNHH Quốc tế Thiên Điền (*)	Thành phẩm (cá tra,...)	123.004.942.793	111.460.012.900	127.601.483.891	110.000.000.000	55.000.000.000
7.	Công ty TNHH Thủy Sản Global Việt Nam (*)	Thành phẩm (cá tra,...)	126.273.296.500	92.706.055.170	74.763.303.770	90.000.000.000	50.000.000.000
8.	Công ty TNHH Vina Foods Kyoei (*)	Bột	4.905.086.424	6.230.341.118	3.388.667.417	6.000.000.000	2.500.000.000
9.	Công ty TNHH Nitto - Fuji International Việt Nam (*)	Bột	3.055.849.973	3.819.895.448	3.088.327.168	4.000.000.000	3.000.000.000
10.	Công ty Cổ Phần Bao Bì Giấy An Hạ (*)	Bao bì (Thùng, Hộp,...)	2.760.077.727	3.376.885.290	2.729.213.817	5.000.000.000	2.000.000.000
11.	Công ty TNHH Hải Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	Bao bì (túi,...)	1.640.004.630	2.163.655.180	1.939.606.074	4.200.000.000	1.500.000.000

STT	Nhà cung cấp	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2021 (từ 1/10/2020-30/09/2021)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2022 (từ 1/10/2021-30/09/2022)	Giá trị giao dịch trong năm tài chính 2023 (từ 1/10/2022-30/09/2023)	Giá trị giao dịch Dự kiến trong năm tài chính 2024 (từ 1/10/2023-30/09/2024)	Giá trị giao dịch dự kiến sẽ chi trả từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
12.	Công ty TNHH Tân Ngọc Diệu (*)	Bao bì (Khay nhựa,..)	1.984.118.730	2.314.434.968	1.564.047.360	3.500.000.000	1.500.000.000
13.	Công ty TNHH MTV In ấn Hoàng Vân (*)	Bao bì (Hộp, Thè,...)	1.223.685.540	1.630.410.310	1.239.444.128	1.500.000.000	1.000.000.000
14.	Công Ty TNHH Sản Xuất Thực Phẩm Cỏ Năm (*)	Nguyên liệu phụ (bánh trắng,..)	1.066.040.250	2.414.496.000	1.775.288.670	2.000.000.000	835.139.360
15.	Các Nhà Cung Cấp Khác (**)		432.433.112.442	590.766.352.145	535.032.787.532	733.825.000.000	-
	Tổng cộng		840.264.269.426	974.118.768.370	904.398.689.455	1.125.025.000.000	192.335.139.360

(*): Là các nhà cung cấp mà Công ty dự kiến sẽ chi trả từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

(**): Các Nhà Cung Cấp Khác là hơn 1.000 nhà cung cấp thường xuyên và không thường xuyên của Công ty.

2. Trả lương, phụ cấp

ĐVT: Đồng

Chi tiêu	Quý 2 năm tài chính 2024	Quý 3 năm tài chính 2024	Quý 4 năm tài chính 2024	Quý 1 năm tài chính 2025	Tổng cộng
Chi trả lương, phụ cấp cho người lao động	11.400.000.000	11.400.000.000	11.400.000.000	11.594.080.800	45.794.080.800

3. Trả nợ, lãi vay ngân hàng

ĐVT: Đồng


Chi tiêu	Quý 2 năm tài chính 2024	Quý 3 năm tài chính 2024	Quý 4 năm tài chính 2024	Tổng cộng
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	12.000.000.000	12.000.000.000	11.129.741.466	35.129.741.466
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.025.778.324	21.025.778.324
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank)	3.500.000.000	3.500.000.000	4.009.132.050	11.009.132.050
Tổng số tiền trả nợ, lãi vay Ngân hàng	22.500.000.000	22.500.000.000	22.164.651.840	67.164.651.840

Điều 2: Trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến, HĐQT sẽ xem xét huy động vốn vay ngân hàng, các nguồn tài trợ bổ sung khác hoặc xin ý kiến ĐHCĐ huy động vốn bằng hình thức khác, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 3: Giao cho Người đại diện pháp luật thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 4: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 5: Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12.2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 4
- HĐQT; Ban TGD;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỪ THANH PHỤNG

